

Bản án số: 37/2025/DS-ST
Ngày 26 - 02 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Non

Ông Nguyễn Văn Nhi

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 687/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần S; địa chỉ: Số A, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông KANOKAWATPAISAL NAPAT. (Giám đốc Công ty).

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Ông Hồ Ngọc Q, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Số B đường C, Phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (văn bản ủy quyền số 105/2024/UQ-SVN ngày 01/01/2024). (vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Nhà không số, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 10 năm 2024, trong quá trình giải quyết đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ Ngọc Q trình bày: Ngày 14/12/2023 ông Phạm Văn K hợp đồng cầm cố tài sản cho Công ty TNHH S1-Chi nhánh C (Công ty) theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe moto hai bánh, hiệu Honda, biển kiểm soát: 69E1-607.37; loại xe SH150I; số khung RLHKF 4208NY117488; số máy: KF42E0059485; giấy đăng ký xe moto số 000772 do Công an tỉnh C cấp ngày 21/03/2023. Cầm cố vay số tiền 45.730.000 đồng, lãi suất 1.1%/tháng, lãi quá hạn 4% số tiền quá hạn thanh toán/tháng tính từ thời điểm phát

sinh nợ quá hạn; phí quản lý hồ sơ cố định 0,5% số tiền cầm cố/tháng; thời hạn cầm cố 24 tháng; ngày đến hạn 14/12/2025.

Do nhu cầu đi lại ngày 14/12/2023 ông K có đơn gửi đến Công ty X mượn lại xe và cam kết theo giấy mượn xe từ ngày 14/12/2023 đến ngày 14/01/2023. Công ty đồng ý cho ông K mượn lại xe theo cam kết và trả lại xe cho Công ty đúng thời hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông K đã thanh toán được cho Công ty được tổng số tiền 17.265.000 đồng. Trong đó tiền gốc 8.146.305 đồng; tiền lãi 2.3388.776 đồng; phí 1.063.080 đồng; phí mượn xe 5.716.250 đồng. Sau đó ông K không thực hiện việc trả nợ theo đúng cam kết trong hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty. Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho ông K thời gian thu xếp trả nợ nhưng ông K không thực hiện.

Công ty cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn K trả lại chiếc xe biển kiểm soát 69E1-607.37 theo giấy mượn xe ngày 14/12/2023. Trường hợp ông K không trả lại xe theo giấy mượn xe thì buộc ông K phải thanh toán cho Công ty số tiền tạm tính đến ngày 15/10/2024 là 62.920.000 đồng (trong đó tiền gốc 37.584.000 đồng, lãi trong hạn 2.067.103 đồng, tiền lãi quá hạn 1.200.000 đồng, phí quản lý mượn xe 11.432.500 đồng; phí phạt nghĩa vụ thanh toán 3.006.696 đồng; phí tất toán hợp đồng trước thời hạn 2.603.859 đồng; chi phí tố tụng 4.059.039 đồng). Ngoài ra, ông K còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 16/10/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp ông K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ Công ty cổ phần S Có Ngay được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Ngày 26/02/2025 ông Hồ Ngọc Q có đơn thay đổi yêu cầu: Buộc ông Phạm Văn K trả cho Công ty số tiền tạm tính đến ngày 26/02/2025 tổng số tiền 41.471.000 đồng (trong đó tiền gốc 37.584.000 đồng, lãi 3.886.185 đồng).

Trong quá trình giải quyết bị đơn ông Phạm Văn K trình bày: Ông Thừa nhận có nợ Công ty cổ phần S và đồng ý trả tổng số tiền 43.882.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Vào ngày 26/02/2025 ông Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng ông K vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q và ông K.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, ông Hồ Ngọc Q thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay về việc không yêu cầu ông Phạm Văn K trả tiền lãi quá hạn 1.200.000 đồng, phí quản lý mượn xe 11.432.500 đồng; phí phạt nghĩa vụ thanh toán 3.006.696 đồng; phí tất toán hợp đồng trước thời hạn 2.603.859 đồng; chi phí tố tụng 4.059.039 đồng. Xét thấy, việc thay đổi của ông Q là tự nguyện,

không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét việc Công ty cổ phần S Có Ngay yêu cầu buộc ông K trả cho Công ty tiền còn nợ đến ngày 12/02/2025 số tiền 37.584.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại biên bản hòa giải ngày 26/11/2024 ông K thừa nhận có thiếu nợ Công ty cổ phần S Có Ngay và đồng ý trả nợ. Từ đó, chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần S Có Ngay về việc buộc ông K trả cho Công ty số tiền 37.584.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu của Công ty cổ phần S Có Ngay về tính lãi từ ngày 14/5/2024 dl đến ngày 26/02/2025 dl, trên số tiền 37.584.000 đồng x lãi suất 1,1% x 9 tháng 12 ngày = 3.886.185 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc tính lãi của Công ty không vượt quá quy định nên được chấp nhận.

Từ các căn cứ trên, buộc ông K trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay tổng số tiền 41.471.000 đồng. Trong đó tiền gốc số tiền 37.584.000 đồng, tiền lãi số tiền 3.886.185 đồng.

[5] Đối với giấy chứng nhận đăng ký xe biển kiểm soát 69E1-607.37 tên Phạm Văn K, Công ty đang giữ của ông K. Hội đồng xét xử thấy rằng, do buộc ông K trả tiền cầm cố giấy chứng nhận đăng ký xe biển kiểm soát 69E1-607.37 cho Công ty, nên buộc Công ty cổ phần S Có Ngay trả giấy chứng nhận đăng ký xe biển kiểm soát 69E1-607.37 cho ông K.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”. Do đó, ông K phải chịu án phí số tiền 2.073.600 đồng (41.471.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty cổ phần S Có Ngay về buộc ông Phạm Văn K trả tiền lãi quá hạn 1.200.000 đồng, phí quản lý mượn xe 11.432.500 đồng; phí phạt nghĩa vụ thanh toán 3.006.696 đồng; phí tất toán hợp đồng trước thời hạn 2.603.859 đồng; chi phí tố tụng 4.059.039 đồng.

2. Buộc ông Phạm Văn K trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay tổng số tiền 41.471.000 đồng (bốn mươi một triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của đại diện Công ty cổ phần S Có Ngay cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng ông Phạm Văn K còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Buộc Công ty cổ phần S có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe biển kiểm soát 69E1-607.37 cho ông Phạm Văn K.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty cổ phần S Có Ngay không phải chịu. Hoàn trả lại cho Công ty số tiền 1.573.000 đồng (một triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0009542 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

Ông Phạm Văn K phải chịu 2.073.600 đồng (hai triệu không trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm đồng). Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Cà Mau.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Giang Nam